

NGHIÊN CỨU KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ THỰC HÀNH VỀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP TRÁNH THAI CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI, NĂM 2013

Nguyễn Thanh Phong⁽¹⁾, Phạm Huy Hiền Hòa⁽²⁾

(1) Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội, (2) Trường Đại học Y Hà Nội

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai (BPTT) trên thế giới gia tăng. Tuy nhiên, theo quỹ Dân số Liên hợp quốc, tình trạng phá thai vẫn đang tăng nhanh chóng. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu (NC) mô tả cắt ngang kết hợp NC định lượng và định tính, sử dụng bộ câu hỏi để hướng dẫn 280 sinh viên (SV) hệ Cao đẳng chính quy trường Cao đẳng Y tế Hà Nội, năm thứ nhất, chưa lập gia đình đọc và tự điền vào phiếu NC. Sử dụng chatroom trên yahoo messenger để thảo luận nhóm 15 SV. **Kết quả:** 99,3% SV biết ít nhất một BPTT. Có 65,2% SV cho rằng BPTT khẩn cấp được dùng sau khi quan hệ tình dục (QHTD) không dùng các BPTT hỗ trợ; 91,9% SV biết bao cao su (BCS) được sử dụng cho các trường hợp muốn tránh thai tạm thời; 84,9% để phòng chống HIV và các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Có 86,1% SV biết viên thuốc tránh thai (VTTT) hàng ngày được sử dụng khi muốn tránh thai tạm thời và không có chống chỉ định. Có 49,6% SV cho rằng "Các BPTT hiện nay có nhiều tác dụng phụ và nguy cơ". Có 64,9% SV đồng ý với quan điểm "Tôi tin BPTT BCS là lựa chọn tốt nhất cho các bạn trẻ VTN". Có 10% SV đã QHTD (9,3% nam sinh và 10,2% nữ sinh); 32,1% SV sử dụng BCS khi QHTD lần đầu tiên. **Kết luận:** Kiến thức, thái độ của sinh viên về các BPTT còn hạn chế trong khi đã có 10% sinh viên đã quan hệ tình dục. **Từ khóa:** Biện pháp tránh thai.

Abstract

STUDY OF KNOWLEDGE, ATTITUDE AND PRACTICE ABOUT CONTRACEPTIONS OF HANOI MEDICAL COLLEGE STUDENTS, 2013

Circumstances, the reasons for the study: Currently, the rate of use of contraception in the world is increasing. However, the abortion situation is still growing rapidly worldwide. **Subjects and Methods:** Design the cross-sectional descriptive study combined quantitative and qualitative, using pre-designed questions to guide 280 students who are formal college in Hanoi Medical College, the first year, unmarried read and fill out the self-study. Using chatrooms on yahoo messenger to discuss 15 students. **Results:** 99,3% of students know at least one contraceptive method. 65,2% of students knew emergency contraception is used after sex to not use support contraceptions; 91,9% of the students knew condoms were used for temporary contraception, 84,9% for preventing from HIV and sexual transmitted diseases. 86,1% of students knew daily contraceptive pills are used to temporary contraception. 49,6% of students said that "The current contraceptives have side effects and risks". 64,9% of them agree with the point "I believe condom is the best choice for adolescen". 10% of students had sexed (9,3% boys and 10,2% girls), 32,1% of them used condoms when had sexed for the first time. **Conclusion:** Knowledge, attitudes of students about contraception is limited while 10% of them had sexed. **Keywords:** contraceptive.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là nước có tỉ lệ thanh niên trong cơ cấu dân số cao nhất Châu Á, trong đó giới trẻ chiếm 31,5% dân số [1]. Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều vấn đề liên quan đến sức khỏe sinh sản (SKSS), như có thai ngoài ý muốn, nạo phá thai, tệt nạn ma túy, các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STDs)... Tỷ lệ phá thai/tổng số đẻ chung toàn quốc là 52% [2]. Số liệu từ Bộ Y tế, khoảng 30% số ca nạo phá thai là phụ nữ trẻ chưa lập gia đình. Trong 6 tháng (3-8/2001), tại Viện Bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh có 2.344 phụ nữ nạo hút

thai. Tỉ lệ sinh viên (SV) trong tổng số những người nạo hút thai là 17,3% [3].

Một trong những nguyên nhân của thực trạng này là nhận thức của SV về SKSS chưa đúng, chưa đầy đủ, làm cho họ giảm niềm tin vào các biện pháp tránh thai (BPTT), dẫn đến tránh thai thất bại hoặc không sử dụng. Cho đến nay, kiến thức, thái độ và thực hành của SV đại học, cao đẳng về các vấn đề SKSS nói chung và các BPTT nói riêng vẫn chưa được nghiên cứu (NC) một cách đầy đủ và hệ thống. Đây là một vấn đề rất quan trọng và cấp bách, có ý nghĩa cộng

đồng và tính thực tiễn cao. Vì vậy, chúng tôi tiến hành đề tài với mục tiêu:

1. Mô tả kiến thức, thái độ về một số biện pháp tránh thai của sinh viên năm thứ nhất chưa lập gia đình trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm 2013.
2. Mô tả thực hành về sử dụng bao cao su của sinh viên năm thứ nhất chưa lập gia đình trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm 2013.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng và thời gian

SV hệ Cao đẳng chính quy năm thứ nhất, chưa lập gia đình trường Cao đẳng Y tế Hà Nội, độ tuổi từ 18 - 24, đồng ý tham gia NC, từ 02/2013 đến 10/2013.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế NC mô tả cắt ngang và kết hợp NC định lượng với định tính.

* Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho NC mô tả tỷ lệ mắc quần thể:

$$n = Z^2(1 - \alpha/2)p(1 - p)/(p \cdot \epsilon)^2$$

- $p = 0,49$: tỷ lệ học sinh- sinh viên Cao đẳng Y tế Hà Nội có kiến thức về sử dụng bao cao su (BCS) (NC của Nguyễn Thanh Phong năm 2011 [4]).

- ϵ : giá trị tương đối. Lấy $\epsilon = 0,12$. Lấy $\alpha = 0,05$; $Z_{1 - \alpha/2} = 1,96$.

- Vậy cỡ mẫu được chọn là: 280 (sinh viên)

- Cỡ mẫu thảo luận nhóm: lấy 5% cỡ mẫu mô tả. Cỡ mẫu là 15 SV.

* Kỹ thuật chọn mẫu

- Chọn các đối tượng vào NC mô tả và thảo luận nhóm bằng phương pháp ngẫu nhiên đơn hệ thống, đến khi đủ 280 SV và 15 SV thì dừng lại.

* Quy trình thực hiện

- Sử dụng bộ câu hỏi được thiết kế sẵn để hướng dẫn SV đọc và tự điền vào phiếu NC. Sử dụng phương pháp chatroom trên yahoo messenger.

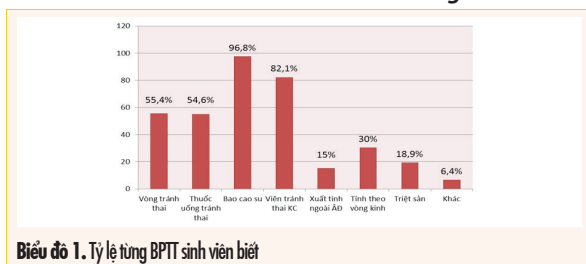
2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng phần mềm thống kê y học Epi info 6.04.

3. Kết quả

3.1. Kiến thức về một số biện pháp tránh thai

3.1.1. Kiến thức về các BPTT nói chung



- Có 99,3% SV biết ít nhất một BPTT.

BPTT được SV biết đến nhiều nhất là BCS (96,8%), viên thuốc tránh thai (VTTT) khẩn cấp (82,1%), VTTT hàng ngày (54,6%).

- Nguồn thông tin về BPTT SV nhận được nhiều nhất là báo chí, truyền hình (77,7%); gia đình (29,9%).

3.1.2. Kiến thức về BPTT khẩn cấp

Kiến thức	Số lượng (n=230)	Tỷ lệ %
Sau mỗi lần quan hệ tình dục (QHTD)	101	43,9
Trước mỗi lần quan hệ	40	17,4
Sau khi quan hệ không dùng các BPTT hỗ trợ	150	65,2
Sau khi dùng BPTT thất bại	89	38,7
Sau khi bị cưỡng hiếp	119	51,7
Khác	5	2,2

- Có 65,2% SV cho rằng BPTT khẩn cấp được dùng sau khi quan hệ không dùng các BPTT hỗ trợ.

- Có đến 73,9% SV không biết chính xác thời điểm sử dụng BPTT khẩn cấp; 45,2% SV cho rằng BPTT khẩn cấp có hiệu quả tránh thai cao.

3.1.3. Kiến thức về BPTT BCS

Kiến thức	Số lượng (n=271)	Tỷ lệ %
Các trường hợp muốn tránh thai	249	91,9
Là BPTT hỗ trợ sau khi thất ống dẫn tinh	21	7,7
Là BPTT hỗ trợ khi quên uống VTTT	85	31,4
Phòng chống HIV và STDs	230	84,9
Khác	6	2,2

- Có 91,9% SV biết BPTT BCS được sử dụng cho các trường hợp muốn tránh thai tạm thời; 84,9% để phòng chống HIV và STDs.

- Có 78,6% và 55% SV biết đúng thời điểm sử dụng và hiệu quả của BCS.

3.1.4. Kiến thức VTTT hàng ngày

Kiến thức	Số lượng	Tỷ lệ %
Muốn tránh thai tạm thời và không có chống chỉ định	133	86,1
Muốn phòng chống STDs	2	1,3
Khác	5	3,3
Không biết	11	7,3

- Có 86,1% SV biết VTTT hàng ngày được sử dụng khi muốn tránh thai tạm thời và không có chống chỉ định.

- 41,1% SV biết cách uống VTTT hàng ngày; 54,7% cho rằng hiệu quả của VTTT cao.

3.2. Thái độ về các biện pháp tránh thai

- Có 71,9% SV không đồng ý với quan điểm "Không có BPTT nào hiệu quả"; 88,1% SV có quan điểm "Sử dụng BPTT an toàn là sự lựa chọn tốt nhất cho các bạn trẻ có QHTD"; 49,6% SV cho rằng "Các BPTT hiện nay có nhiều tác dụng phụ và nguy cơ".

- Có 64,3% SV không đồng ý với quan điểm "Sử dụng VTTT khẩn cấp là sự lựa chọn tốt nhất cho các vị thành niên có QHTD".

- Có 64,9% SV viên đồng ý với quan điểm "Tôi tin BPTT BCS là lựa chọn tốt nhất cho các bạn trẻ vị thành niên".

- 60,9% SV không đồng ý với quan điểm "Nếu phải mua viên thuốc tránh thai, tôi sẽ cảm thấy rất xấu hổ"

3.3. Thực hành về BPTT bao cao su

Bảng 4. Thực hành của SV về các BPTT

Thực hành		Số lượng	Tỷ lệ %
Số SV đã từng QHTD		28/280	10,0
- Nam		5/54	9,3
- Nữ		23/226	10,2
Sử dụng BPTT trong lần QHTD lần đầu	Có	11/28	39,3
	- Nam	3/5	60
	- Nữ	8/23	34,8
	Không	17	60,7

- Có 10% SV trong nhóm NC đã QHTD. Trong đó, có 9,3% nam sinh và 10,2% nữ sinh đã QHTD.

- Có 39,3% SV đã QHTD có sử dụng BPTT trong lần QHTD đầu tiên (60% nam và 34,8% nữ sinh). Có 32,1% SV sử dụng BCS khi QHTD lần đầu.

- Có 14/17 SV không dùng BPTT trong lần QHTD đầu tiên do họ không có ý định quan hệ lúc đó.

4. Bàn luận

4.1. Kiến thức của SV về các BPTT

Kết quả NC có 99,3% SV biết ít nhất một BPTT. Kết quả khá phù hợp với NC của Vũ Thị Hương có 100% khách hàng biết ít nhất một BPTT [3]. Các biện pháp được SV biết đến nhiều nhất là BCS (96,8%), VTTT khẩn cấp (82,1%), VTTT hàng ngày (54,6).

SV nhận được các thông tin về BPTT chủ yếu từ báo chí và truyền hình (77,7%), internet (62,2%). Kết quả thảo luận nhóm cho thấy đa số SV nhận được các thông tin từ internet, tivi, sách báo, quảng cáo, VOV giao thông... Có 67,3% SV nhận được các thông tin từ nhà trường. Điều này cho thấy hiện nay các trường học đã quan tâm hơn đến việc định hướng, giáo dục về SKSS cho giới trẻ. Chỉ có 29,9% SV nhận được những thông tin từ gia đình. Kết quả thảo luận nhóm cho thấy đa số SV đều nhận thấy vai trò của gia đình trong việc giúp họ hiểu rõ hơn về SKSS nhưng đa số đều không nhận được sự chia sẻ từ gia đình.

* Kiến thức của sinh viên về BPTT khẩn cấp

Kết quả cho thấy có 82,1% SV biết BPTT khẩn cấp đã và đang sử dụng hiện nay. Kết quả này cao hơn NC SAVY 1 và SAVY 2. Theo SAVY 1, có 28% vị thành niên (VTN) nam và 32% VTN nữ của nước ta biết về BPTT khẩn cấp [2]. Theo SAVY 2, 56% VTN nam và

52% VTN nữ biết về BPTT khẩn cấp [5]. Tuy đây không phải là BPTT tốt nhất nhưng khá cần thiết cho các bạn trẻ trong thời điểm hiện tại do tỷ lệ giới trẻ QHTD trước hôn nhân gia tăng trong khi họ còn thiếu kinh nghiệm trong việc tránh thai trước khi quan hệ.

73,9% SV không biết thời điểm chính xác cần sử dụng VTTT. Nếu SV sử dụng thuốc không đúng thời điểm sẽ làm giảm hiệu quả của thuốc, làm tăng tác dụng phụ và các biến chứng cho người sử dụng.

* Kiến thức của SV về bao cao su

BCS là biện pháp được SV biết đến nhiều nhất (96,8%). Đây là một BPTT đang được tuyên truyền sử dụng rất rộng rãi trong cộng đồng vì tác dụng vừa có hiệu quả tránh thai cao vừa có tác dụng phòng chống STDs. Có 91,9% SV biết BCS được dùng cho các trường hợp muốn tránh thai, 84,9% biết BCS dùng để phòng chống STDs/HIV.

Kết quả NC cho thấy còn 10,4% SV cho rằng BCS được dùng sau khi QHTD hoặc trước khi xuất tinh và 11,1% SV không biết thời điểm sử dụng. Điều này có thể làm cho tỷ lệ có thai ngoài ý muốn khi sử dụng BCS gia tăng.

Còn đến 41% SV cho rằng BCS có hiệu quả tránh thai thấp hoặc trung bình. Việc cho rằng BCS không có hiệu quả cao có thể dẫn đến việc giới trẻ thiếu niềm tin vào BPTT.

* Kiến thức của SV về VTTT hàng ngày

Kết quả cho thấy chỉ có 53,9% SV biết về VTTT hàng ngày. Kết quả này thấp hơn NC của Lê Anh Tuấn [6]. Theo tác giả, có 96,6% khách hàng đến phá thai tại viện Bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh biết về BPTT này. Có 86,1% SV biết VTTT hàng ngày được dùng cho phụ nữ khi muốn tránh thai tạm thời và không có chống chỉ định. Có 41,1% SV biết cách uống VTTT hàng ngày.

Có 54,3% SV cho rằng VTTT hàng ngày có hiệu quả tránh thai cao. Đây là một trong những BPTT có hiệu quả tránh thai cao từ 96- 99% nếu dùng đúng hướng dẫn.

4.2. Thái độ về các BPTT

NC thái độ của SV về các BPTT nói chung cho thấy có 71,9% SV không đồng ý với quan điểm "Không có BPTT nào hiệu quả" và 88,1% SV đồng ý với quan điểm "Sử dụng BPTT an toàn và sự lựa chọn tốt nhất cho các bạn trẻ có QHTD". Kết quả này khá phù hợp với NC của Alves AS (2008) cho thấy: SV có thái độ tích cực trong việc phòng tránh thai, có 92,6% SV cho rằng nên sử dụng các BPTT [7]. Tuy nhiên, có 49,6% SV đồng ý với quan điểm "Các BPTT hiện nay có nhiều tác dụng phụ và nguy cơ". Đây chính là một cản trở làm cho giới trẻ có hiểu biết về BPTT cao nhưng tỷ lệ sử dụng các BPTT còn thấp.

Có 64,3% SV không đồng ý với quan điểm thứ hai “Sử dụng VTTT khẩn cấp là sự lựa chọn tốt nhất cho các VTN có QHTD”. Kết quả này cho thấy thái độ của SV về BPTT khẩn cấp là khá đúng đắn do đây không phải là BPTT được khuyến cáo dùng thường xuyên do một số tác dụng phụ của biện pháp gây ra.

Có 64,9% SV đồng ý với quan điểm “Tôi tin BCS là lựa chọn tốt nhất cho các bạn trẻ VTN”. Đây là những kết quả rất đáng mừng vì các bạn trẻ ngày càng có nhiều hiểu biết và niềm tin hơn về các BCS.

Kết quả cho thấy có 60,9% SV không đồng ý với quan điểm “Nếu phải mua VTTT, tôi sẽ cảm thấy rất xấu hổ”. Như vậy, SV cũng có thái độ khá tích cực hơn về biện pháp VTTT hàng ngày. Việc mua cũng như sử dụng thuốc đã được các bạn trẻ có cách nhìn tích cực hơn.

4.3. Thực hành về BCS

Kết quả cho thấy có 10% SV đã QHTD. Kết quả thảo luận nhóm cho thấy có 3/15 SV đã QHTD. Trong 28 SV đã quan hệ, có 5/54 SV nam (9,3%) và 23/226 SV nữ (10,2%). Kết quả thấp hơn NC của Barbour B (2009), có 73,3% nam sinh và 21,8% nữ sinh đã QHTD [8].

NC cho thấy chỉ có 39,3% SV sử dụng BPTT trong lần QHTD đầu tiên (60% nam sinh, 34,8% nữ sinh). Lý giải điều này các SV đều chia sẻ do QHTD lần đầu xảy

ra bất ngờ, không chuẩn bị trước, không xác định trước lần quan hệ. Kết quả cho thấy trong 28 SV đã QHTD có 09 SV chọn lựa biện pháp BCS. Như vậy, BPTT được SV lựa chọn nhiều nhất trong lần QHTD đầu tiên cũng như lần quan hệ tình dục gần nhất là BCS.

5. Kết luận

- 99,3% SV biết ít nhất một BPTT. Nguồn thông tin về BPTT: báo chí, truyền hình (77,7%); gia đình (29,9%).

- Có 49,6% SV cho rằng “Các BPTT hiện nay có nhiều tác dụng phụ và nguy cơ”. 64,9% SV đồng ý với quan điểm “Tôi tin BCS là lựa chọn tốt nhất cho các bạn trẻ VTN”.

- Có 10% SV đã QHTD (9,3% nam và 10,2% nữ sinh). Chỉ có 39,3% SV đã QHTD có sử dụng BPTT trong lần QHTD đầu tiên (32,1% SV sử dụng BCS).

6. Kiến nghị

Nhà trường cần phối hợp với gia đình và xã hội mở rộng hơn nữa các chương trình truyền thông về các BPTT nói chung và BCS nói riêng cho đối tượng học sinh- sinh viên.

Gia đình cần gần gũi, nói chuyện và chia sẻ với các bạn trẻ về các vấn đề SKSS.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế và Tổng cục Thống kê. Điều tra Quốc gia về vi thành niên và thanh niên Việt Nam (SAVY2). Hà Nội. 2010.
2. Trương Việt Dũng, Phan Thục Anh. Nạo hút thai và mang thai ngoài ý muốn. Báo cáo Phân tích số liệu điều tra nhân khẩu học giữa kỳ năm 1994. Nhà xuất bản thống kê Hà Nội, năm 1996.
3. Vũ Thị Hương. Nghiên cứu tình hình phá thai đến 12 tuần và đánh giá sự hiểu biết về các biện pháp tránh thai của phụ nữ đến phá thai tại Bệnh viện Phụ sản Trung Ương năm 2006. Luận văn thạc sĩ y học. Trường Đại học Y Hà Nội. 2006.
4. Nguyễn Thanh Phong. Thực trạng kiến thức về sức khỏe sinh sản của học sinh- sinh viên năm thứ nhất trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. Tạp chí thông tin Y dược, số 01/2012, tr 36- 39.

5. Bộ Y tế và Tổng cục Thống kê. Điều tra Quốc gia về vi thành niên và thanh niên Việt Nam (SAVY1). Hà Nội. 2005.
6. Lê Anh Tuấn. Sự khác biệt giữa kiến thức, thái độ và thực hành về các biện pháp tránh thai hiện đại ở phụ nữ hút điều hòa kinh nguyệt tại Viện Bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh. Tạp chí thông tin y học, số 12/2002, tr 35- 39.
7. Alves AS, Lopes MH. Knowledge, attitude and practice about the use of pill and preservative among adolescents university students. Rev Bras Enferm. 2008 Jan-Feb;61(1):11-7.
8. Barbour B, Salameh P. Knowledge and practice of university students in Lebanon regarding contraception. East Mediterr Health J.2009 Mar-Apr;15(2):387-99.